

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 42/2022/DS-PT
Ngày 15-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, góp hụi và mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Võ Thị Hồng Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/TLPT-DS về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, góp hụi và mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị R, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, xã T1, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Văn D1, sinh năm 1976; bà Trần Thị P, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Ấp T2, xã T1, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, ông D1 vắng mặt, bà P có mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Dương Thị R trình bày:**

Bà và vợ chồng bà P, ông D1 có quen biết nhau. Bà P, ông D1 có nợ bà các khoản tiền sau:

Về hợp đồng góp hội: Bà làm chủ thảo hội, bà P, ông D1 có tham gia góp hội: Dây hội ngày 06-12-2018 âm lịch, hội 10.000.000 đồng/tháng, gồm 26 phần, bà P ông D1 tham gia 02 phần. Hết hội kỳ thứ 1 và kỳ thứ 3, đóng lại hội chết đến kỳ thứ 4 thì ngưng, còn nợ lại 22 kỳ tương đương số tiền 440.000.000 đồng, dây hội này hiện nay đã mãn, bà đã choàng hội cho bà P xong.

Về hợp đồng vay tài sản: Bà P, ông D1 có vay tiền bà các lần như sau: Ngày 11-02-2019 âm lịch bà P, ông D1 vay 310.000.000 đồng, có ghi giấy nợ, lãi suất thỏa thuận 4,5%/tháng, để làm vốn mua bán đậu, lúa, thời hạn trả là kết thúc vụ mùa sẽ trả cho bà. Ngày 27-6-2019 âm lịch bà P, ông D1 vay số tiền 70.000.000 đồng, có ghi giấy nợ, lãi suất thỏa thuận 4,5%/tháng, bà P cũng nói mượn để làm vốn mua lúa, nói vài ngày sẽ trả. Tổng cộng bà P, ông D1 vay của bà số tiền 380.000.000 đồng. Khi kết thúc vụ mùa, bà đòi nhiều lần nhưng bà P, ông D1 cứ hẹn mà không trả tiền cho bà.

Về hợp đồng mua bán: Bà làm chủ cửa hàng phân bón, bà P ông D1 có mua phân bón của cửa hàng bà, hình thức mua bán là ghi nợ. Hai bên chốt nợ bà P có ký tên nhận nợ số tiền 10.924.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu anh D1 chị P trả cho bà số tiền nợ hội, nợ vay, nợ tiền mua phân bón là 830.924.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày ký nhận nợ cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bà thừa nhận tổng tiền gốc bà P vay 3.390.000.000 đồng với mức lãi suất 4,5%/tháng, bà P ông D1 trả tiền nhiều lần tổng cộng tiền gốc và lãi là 3.700.263.000 đồng. Bà đồng ý tính lại tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 20%/năm, tương đương tổng số tiền lãi vợ chồng bà P phải trả là 201.547.000 đồng, vậy tổng số tiền bà P trả vượt quá quy định là 108.716.000 đồng (3.700.263.000 đồng – (3.390.000.000 đồng + 201.547.000 đồng)). Đối với số tiền bà và bà P chốt nợ ngày 09-5-2018 bà chưa tính lãi cho đến ngày 09-12-2018, bà P ông D1 có cần trừ cho bà một phần đất với số tiền 1.000.000.000 đồng, trong khoảng thời gian này bà và bà P chưa tính tiền lãi. Nay bà yêu cầu bà P phải trả cho bà tiền lãi của khoản nợ 1.470.000.000 đồng trong thời gian là 210 ngày (09-5-2018 đến 09-12-2018), tương đương 169.150.000 đồng.

Tại phiên tòa bà yêu cầu bà P, ông D1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà các khoản tiền như sau:

Tiền vay: 70.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 13-7-2019Al cho đến nay. Và tiền lãi của khoản nợ

1.470.000.000 đồng trong thời gian là 210 ngày (09-5-2018 đến 09-12-2018), tương đương 169.150.000 đồng. Bà đồng ý khấu trừ tiền lãi vượt quá quy định vào số nợ gốc còn nợ.

Tiền hụi: 440.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính lũy kế theo từng tháng kể từ thời điểm bà choàng hụi cho bà P, ông D1 đến khi kết thúc vụ kiện.

Tiền nợ mua phân bón là 10.924.000 đồng, tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 10-5-2019 AI (ngày bà P ngưng mua phân bón) đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Quang – đại diện theo ủy quyền của bà P trình bày:

Bà P thừa nhận tổng số tiền bà P đã vay của bà R là 3.390.000.000 đồng, với mức lãi suất 4,5%/tháng, bà vay để sử dụng vào mục đích cá nhân, không sử dụng vào mục đích làm ăn, phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Từ khi vay đến nay bà đã trả cho bà R tổng số tiền 3.875.448.000 đồng, trong đó có khoản tiền bà cần trừ một phần đất là 1.000.000.000 đồng và tiền hụi do bà R làm chủ hụi là 174.800.000 đồng bà R không đăng hụi mà cần trừ tiền lãi. Bà P yêu cầu tính lại tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 20%/năm, tính đến ngày 26-02-2018 AI bà phải trả cho bà R là 201.547.000 đồng. Tổng cộng bà P đã trả cho bà R số tiền nợ gốc và lãi vượt quá quy định là 283.901.000 đồng, yêu cầu khấu trừ số tiền này vào số tiền vay còn nợ lại. Bà R cho rằng không tính tiền lãi của khoản nợ 1 tỷ là không đúng vì khi thỏa thuận giao đất để cần trừ 1 tỷ đồng thì hai bên thỏa thuận giá thấp hơn giá thị trường nên thống nhất không tính lãi, đến khi cần trừ xong mới tiếp tục tính lãi của phần còn lại, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau và thực tế trong giấy tính tiền bà R cũng không tính tiền lãi của khoản thời gian này.

Đối với số tiền nợ mua phân bón: Bà P thừa nhận còn nợ lại 10.924.000 đồng nhưng đây đã bao gồm tiền lãi với mức lãi suất 3%/tháng, bà P không có chứng cứ gì để chứng minh nhưng theo phong tục tại địa phương mua phân bón thì chủ cửa hàng sẽ bao vụ, tức là kết thúc vụ mùa mới thanh toán tiền thì trong khoản nợ này đã có tính tiền lãi, nếu trường hợp Tòa án tính tiền lãi thì đồng ý tính lãi nhưng tính với mức lãi suất 10%/năm tính từ thời điểm đủ 06 tháng kể từ ngày chốt nợ 21-11-2019 AI (16-12-2019 DL) là ngày 01-7-2020 DL.

Đối với khoản tiền hụi: Bà P thống nhất còn nợ bà R số tiền hụi chết là 440.000.000 đồng, nhưng bà P không đồng ý trả tiền lãi vì đây là giao dịch góp hụi, không phải vay, bà R là chủ hụi, có thu tiền hoa hồng thì mặc nhiên trong khoản tiền này có tiền lãi. Trường hợp nếu tính tiền lãi thì bà P đồng ý trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày mãn hụi.

Bà P tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà R, không yêu cầu anh D1 trả cho bà R. Bà P sử dụng vào mục đích riêng tư, không phục vụ kinh tế gia đình. Công việc chính của hai vợ chồng là mua bán lúa, nhưng mua cho người khác để hưởng giá chênh lệch, tiền mua bán lúa do chủ chuyển đến cho bà P, ông D1, vợ chồng không phải bỏ vốn ra để mua bán.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Q– đại diện theo ủy quyền của ông D1 trình bày:

Ông D1 không biết khoản tiền vay và tiền nợ hui, khi vay bà P không nói với ông, ông cũng không ký nhận nợ, bà P không sử dụng số tiền này vào mục đích làm ăn kinh tế gia đình. Đối với khoản tiền nợ phân bón thì ông D1 biết, mua phân bón giùm cho ba ruột ông D1, ông D1 có đưa tiền cho bà P trả nhưng bà P không trả, nay ông D1 mới biết nên đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả số tiền này cho bà R. Khi Tòa án thụ lý vụ án thì bà P, ông D1 chưa ly hôn, hiện nay đã ly hôn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 440, 463, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Dương Thị R đối với ông Võ Văn D1 và chị Trần Thị P về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui, hợp đồng mua bán”.

Buộc bà Trần Thị P, ông Võ Văn D1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Dương Thị R số tiền 899.960.000 (tám trăm chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ngàn) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 652.208.000 đồng và tiền lãi là 247.752.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của khoản nợ 1.470.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, bà Trần Thị P có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về số tiền vay, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Dương Thị R và bà Trần Thị P thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Bà Trần Thị P, ông Võ Văn D1 trả cho bà Dương Thị R số tiền 650.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 520.924.000 đồng, tiền lãi là 129.076.000 đồng. Về án phí sơ thẩm dân sự: Ông D1, bà P chịu 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả thỏa thuận của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh đã buộc bà Trần Thị P, ông Võ Văn D1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Dương Thị R số tiền 899.960.000 đồng (gồm tiền vay, tiền hui và tiền mua phân bón) trong đó tiền nợ gốc là 652.208.000 đồng và tiền lãi là 247.752.000 đồng. Bà P kháng cáo, ông D1 không kháng cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà R và bà P đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận được chi phí tố tụng và án phí. Sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Trần Thị P, ông Võ Văn D1 trả cho bà Dương Thị R số tiền 650.000.000 đồng (gồm tiền vay, tiền hui và tiền mua phân bón) g, trong đó tiền gốc là 520.924.000 đồng, tiền lãi là 129.076.000 đồng.

[3] Bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án là kể từ ngày có đơn yêu cầu là không đúng theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nhưng không phải là số liệu cụ thể nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng.

[4] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông D1 bà P phải chịu 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Bà R không phải chịu án phí. Bà R được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.463.860 đồng (mười tám triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu số 0005527 ngày 04-2-2021, Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Ghi nhận bà P đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 3; Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4, 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Công nhận sự thỏa thuận của bà Dương Thị R với bà Trần Thị P tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

1. Bà Trần Thị P, ông Võ Văn D1 trả cho bà Dương Thị R số tiền 650.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 520.924.000 đồng, tiền lãi là 129.076.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn D1 bà Trần Thị P phải chịu 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Bà R không phải chịu án phí. Bà R được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.463.860 đồng (mười tám triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu số 0005527 ngày 04-2-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P chịu 300.000 đồng. Ghi nhận bà P đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện đmc;
- Chi cục THADS. hdmc
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mai Dung